

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THÀNH
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2017/DS-ST

Ngày: 24-8-2017

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Nhung

Ông Nguyễn Thế Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2016/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2016 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/QĐXXST-DS ngày 19/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2017/QĐST-DS ngày 08/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1963

Địa chỉ: Tổ N, ấp P, xã T, huyện Tân T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng T (Tên gọi khác: S), sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ B, ấp Ô, xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Tổ L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ B, ấp Ô, xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

3. Người làm chứng:

Bà Phạm Thị T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ I, ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

Bà Trần Thị T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ I, ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Ông Trần Văn T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ I, ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

Ông Nguyễn C, sinh năm 1967

Địa chỉ: Tổ L, ấp Ô, xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bà Hồ Thị H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tổ P, ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản làm việc, hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Hoàng T, bà Nguyễn Thị Tố L là chỗ quen biết nhau nên ông T, bà L có vay tiền của bà H 05 lần với tổng số tiền là 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu), mục đích vay là để trả tiền đất và mua xe cho con, cụ thể: ngày 07/01/2015, vay số tiền 22.000.000 đồng; ngày 19/01/2015, vay số tiền 25.000.000 đồng; ngày 21/2/2015, vay số tiền 35.000.000 đồng; ngày 07/12/2015, vay số tiền 35.000.000 đồng; ngày 02/02/2016, vay số tiền 27.000.000 đồng. Khi vay tiền, bà H có yêu cầu ông T, bà L ghi số tiền vay, ngày vay vào sổ ghi chép của bà H.

Ngoài ra, ông Nguyễn Hoàng T, bà Nguyễn Thị Tố L có tham gia chơi 06 dây hụi do bà H làm chủ, mỗi dây 12 suất chơi, mỗi suất đóng khoảng 500.000 đồng/tuần, hoặc ít hơn tùy thời điểm. Bà H thu tiền của người chơi hụi, khi đến lượt ai lấy tiền thì bà H giao tiền, bà H hưởng lợi 250 ngàn/01 suất chơi/12 tháng, đổi lại nếu có rủi ro thì bà H phải chịu trách nhiệm trả đầy đủ tiền cho người chơi. Ông Nguyễn Hoàng T, bà Nguyễn Thị Tố L đã lĩnh tiền hụi trước rồi trốn tránh không đóng tiền tiếp cho bà H. Số tiền ông T, bà L không đóng là 82.800.000 đồng (Tám mươi hai triệu tám trăm ngàn). Bà H đã tự nộp số tiền này cho những người chơi hụi khác lĩnh đủ tiền. Bà H nhiều lần yêu cầu ông T và bà L trả tiền nhưng ông T, bà L không trả và có ý định bỏ trốn.

Do bà H biết ông T, bà L có ý định bỏ trốn không trả tiền nên ngày 03/5/2016, bà H gọi ông T, bà L về để thỏa thuận và ký hợp đồng vay số tiền 226.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu) và nói ký xong sẽ cho vay tiếp. Khi ông T, bà L ký xong thì bà H không cho vay nữa.

Nhận thấy ông T, bà L không có thiện chí trả nợ nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà L phải trả toàn bộ số tiền còn nợ là 226.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, các tài liệu, chứng cứ, giấy triệu tập, thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật cho ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị Tố L nhưng ông T, bà L cố tình vắng mặt không đến Tòa án làm việc, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên tòa, không có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết và cũng không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án.

Tại các bản tự khai của bà Phạm Thị T, bà Trần Thị T, ông Trần Văn T, ông Nguyễn C, bà Hồ Thị H trình bày:

Các ông, bà gồm: Bà Phạm Thị T, bà Trần Thị T, ông Trần Văn T, ông Nguyễn C và bà Hồ Thị H đều có tham gia chơi hụi do bà H làm chủ. Các ông

bà đều xác nhận có biết và thấy ông T chơi hụi, đến nhà bà H nhận tiền hụi nhưng số tiền cụ thể là bao nhiêu và việc vay mượn giữa bà H với ông T, bà L thì các ông, bà không được biết. Do các ông, bà Trần Thị T, Nguyễn C và Hồ Thị H có công việc bận nên xin vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Tuy nhiên vụ án còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử cần rút kinh nghiệm. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không chấp hành, vi phạm quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T và bà L phải trả cho bà Trần Thị H 226.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu). Về án phí, bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Giữa bà H tranh chấp với ông T, bà L số tiền 226.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu) và các đương sự cư trú tại huyện Tân Thành, nên Tòa án xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua kết quả xác minh vào ngày 12/5/2017 tại Công an xã T, huyện Tân Thành đã xác định: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị Tố L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ B, ấp Ô, xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhưng đã bỏ đi từ khoảng tháng 4/2016. Khi ông T và bà L bỏ đi mà không thông báo cho bà H biết về nơi cư trú mới nên được xác định thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, cho nên việc thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị Tố L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa tiến hành xét xử vụ án vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Việc ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị Tố L vay tiền của bà H là có thật, căn cứ vào chứng cứ do bà H cung cấp là giấy vay tiền thể hiện ông T, bà L vay tiền 05 lần gồm: Lần 1 vay số tiền 22.000.000 đồng vào ngày 07/01/2015; Lần 2 vay số tiền 25.000.000 đồng vào ngày 19/01/2015; Lần 3 vay số tiền 35.000.000 đồng vào ngày 21/2/2015; Lần 4 vay số tiền 35.000.000 đồng vào ngày 07/12/2015; Lần 5 vay số tiền 27.000.000 đồng vào ngày 02/02/2016. Tổng cộng số tiền vay là 144.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn). Việc vay

tiền được các bên lập bằng giấy viết tay có chữ ký, chữ viết của ông T, bà L. Ngoài ra vợ chồng ông T, bà L còn tham gia 06 dây hui do bà H làm chủ hui, ông T, bà L còn nợ tiền hui bà H với số tiền là 82.800.000 đồng, đây là số tiền hui hàng tháng mà vợ chồng ông T phải đóng cho bà H nhưng không đóng được nên bà H phải đứng ra đóng thay cho ông T và bà L. Sau đó các bên đã thỏa thuận gộp tiền nợ hui và tiền vay lại thành một khoản nợ chung nên giữa các bên có lập một “Hợp đồng vay tiền” ngày 03/5/2016 tại nhà bà H, hợp đồng có chữ ký, chữ viết của ông T, bà L. Theo nội dung hợp đồng vay tiền thì bà H có cho vợ chồng ông T, bà L vay tổng số tiền là 226.000.000 đồng mà không thế chấp tài sản để đảm bảo việc vay nợ, tại hợp đồng vay tiền không hiện lãi suất và ngày tháng thanh toán nợ. Tuy nhiên bà H xác định mức lãi suất cho vay là 50.000đồng/1.000.000 đồng/tháng và mỗi tháng ông T, bà L phải trả 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ, khi bà H đến đòi nợ thì ông T, bà L bỏ trốn tại địa phương. Việc ông T, bà L không thanh toán số nợ gốc và lãi cho bà H nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa các bên. Xét thấy lời khai của bà H phù hợp với các chứng cứ cung cấp cho Tòa án là giấy biên nhận nợ và hợp đồng vay tiền có chữ ký, chữ viết của ông T, bà L và phù hợp với lời khai của những người làm chứng, nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định ông T, bà L có vay của bà H 226.000.000 đồng vào ngày 03/5/2016 và ông T, bà L chưa trả được gốc và lãi cho bà H từ khi cho vay cho đến nay, nên cần buộc ông T, bà L phải thanh toán 226.000.000 đồng nợ gốc cho bà H.

Tại phiên tòa bà Trần Thị H giữ nguyên yêu cầu yêu cầu buộc ông T, bà L phải trả số tiền còn nợ là 226.000.000 triệu đồng, không yêu cầu trả lãi.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cần buộc ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị Tố L phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H số tiền còn nợ là 226.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu).

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông T, bà L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 226.000.000 đồng x 5% = 11.300.000 đồng (Mười một triệu ba trăm), hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí năm 2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị Tố L.

Buộc ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị Tố L phải trả cho bà Trần Thị H 226.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án

còn phải trả thêm cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị Tố L phải nộp 11.300.000 đồng (Mười một triệu ba trăm ngàn) tiền án phí.

Hoàn trả lại 5.650.000 đồng (Năm triệu sáu trăm năm mươi ngàn) tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Thị H theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000669 ngày 31/5/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/8/2017), các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND huyện Tân Thành;
- Chi cục THADS huyện Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Xuân Hưng